

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ KIỂM TOÁN**

*Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015*



## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
- BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 4
- BÁO CÁO KIỂM TOÁN	5 – 6
- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 – 8
- KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 – 30



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>143.566.153.829</b>	<b>145.366.695.943</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<b>110</b>	V.1	<b>7.946.204.217</b>	<b>9.342.522.787</b>
1. Tiền	111		6.946.204.217	9.342.522.787
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	-
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<b>130</b>	V.2	<b>79.893.012.948</b>	<b>74.027.190.636</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		72.399.963.949	57.269.160.849
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.030.192.136	2.315.706.566
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		6.464.093.441	16.972.555.291
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2.001.236.578)	(2.530.232.070)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<b>140</b>		<b>55.726.936.664</b>	<b>61.965.982.520</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.3	55.726.936.664	61.965.982.520
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<b>150</b>		<b>-</b>	<b>31.000.000</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	31.000.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	153		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>64.844.399.839</b>	<b>49.274.489.856</b>
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<b>210</b>		<b>2.734.358.736</b>	<b>185.943.101</b>
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.4	2.734.358.736	185.943.101
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	<b>220</b>		<b>59.851.684.370</b>	<b>47.101.046.026</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	36.559.024.725	35.561.042.819
- Nguyên giá	222		61.675.130.807	56.940.207.563
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.116.106.082)	(21.379.164.744)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	23.292.659.645	11.540.003.207
- Nguyên giá	228		23.668.228.698	11.760.164.376
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(375.569.053)	(220.161.169)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	<b>240</b>		<b>1.400.804.160</b>	<b>-</b>
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	1.400.804.160	-
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	<b>250</b>	V.8	<b>253.930.000</b>	<b>1.797.080.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		253.930.000	1.797.080.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	<b>260</b>		<b>603.622.573</b>	<b>190.420.729</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	603.622.573	190.420.729
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>208.410.553.668</b>	<b>194.641.185.799</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>115.795.094.330</b>	<b>105.205.918.431</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>114.580.927.553</b>	<b>101.934.718.431</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	16.250.867.522	28.569.835.403
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	1.091.178.812	669.002.244
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	2.623.717.773	2.059.081.671
4. Phải trả người lao động	314		-	431.694.936
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	2.018.359.932	6.873.760.764
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	1.823.404.770	2.966.232.849
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	86.839.220.357	58.770.556.110
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.934.178.387	1.594.554.454
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.214.166.777</b>	<b>3.271.200.000</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		49.478.777	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	1.143.900.000	2.047.800.000
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		20.788.000	1.223.400.000
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>92.615.459.338</b>	<b>89.435.267.368</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.15	<b>92.615.459.338</b>	<b>89.435.267.368</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		43.558.800.000	39.599.400.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		43.558.800.000	39.599.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		15.354.266.700	19.313.666.700
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		4.662.862	4.662.862
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		20.280.428.218	13.885.693.234
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.417.301.558	16.631.844.572
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13.417.301.558	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>208.410.553.668</b>	<b>194.641.185.799</b>



Dương Ánh Ngọc  
Người lập



Lê Thái Minh Trang  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Kha  
Giám đốc

Long Xuyên, ngày 21 tháng 01 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015*

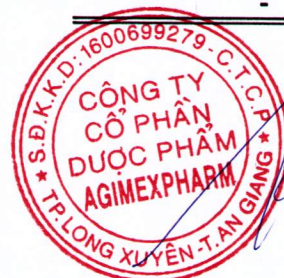
Mẫu số : B 02 - DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>411.953.863.685</b>	<b>345.082.321.106</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	2.699.218.827	2.030.741.373
<b>3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.1</b>	<b>409.254.644.858</b>	<b>343.051.579.733</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.1	285.625.564.268	223.070.939.825
<b>5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>	<b>VI.1</b>	<b>123.629.080.590</b>	<b>119.980.639.908</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	956.779.409	550.975.149
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	6.461.723.221	5.931.569.488
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.190.348.812	5.769.942.563
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	87.449.494.420	77.369.095.578
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	14.291.676.403	13.750.684.497
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>16.382.965.955</b>	<b>23.480.265.494</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.7	872.719.516	504.234.558
12. Chi phí khác	32		49.672.584	69.704.399
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>823.046.932</b>	<b>434.530.159</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>	<b>VI.11</b>	<b>17.206.012.887</b>	<b>23.914.795.653</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	3.788.711.329	7.282.951.081
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>	<b>VI.11</b>	<b>13.417.301.558</b>	<b>16.631.844.572</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	3.217	4.662
<b>19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>71</b>		<b>-</b>	<b>-</b>

**Dương Ánh Ngọc**  
Người lập

**Lê Thái Minh Trang**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Văn Kha**  
Giám đốc

Long Xuyên, ngày 21 tháng 01 năm 2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015**

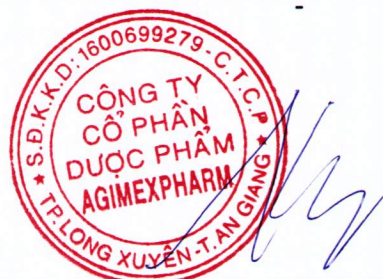
(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính : VND

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	214.320.700.921	196.029.828.010
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(121.676.771.270)	(110.171.228.248)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(25.534.217.034)	(22.079.532.255)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(6.095.815.761)	(5.691.186.209)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(4.425.405.114)	(8.823.274.588)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	35.231.733.120	20.974.451.672
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(97.008.546.360)	(81.997.703.485)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(5.188.321.498)</b>	<b>(11.758.645.103)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(16.683.747.391)	(7.693.615.284)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	18.181.818	20.830.304
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.558.500.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	406.134.455	364.190.276
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(14.700.931.118)</b>	<b>(7.308.594.704)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	13.199.800.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	156.408.173.788	135.978.456.250
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(129.243.409.541)	(125.245.673.232)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.671.830.201)	(3.734.290.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>18.492.934.046</b>	<b>20.198.292.518</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(1.396.318.570)</b>	<b>1.131.052.711</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>9.342.522.787</b>	<b>8.211.470.076</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>7.946.204.217</b>	<b>9.342.522.787</b>

**Dương Ánh Ngọc**  
Người lập

**Lê Thái Minh Trang**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Văn Kha**  
Giám đốc

Long Xuyên, ngày 21 tháng 01 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm (sau đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600699279 đăng ký lần đầu ngày 03/06/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 24/07/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 43.558.800.000, trong đó:

Cổ đông	Tổng số cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- Công ty CP Dược phẩm Imexpharm	1.480.707	14.807.070.000	33,99%
- Phạm Uyên Nguyên	655.496	6.554.960.000	15,05%
- Các cổ đông khác	2.219.677	22.196.770.000	50,96%
<b>Cộng</b>	<b>4.355.880</b>	<b>43.558.800.000</b>	<b>100,00%</b>

Vốn đầu tư của chủ sở hữu trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015 là 43.558.800.000, tỷ lệ nhóm cổ đông góp vốn phù hợp với tỷ lệ đã đăng ký.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất, thương mại.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Mua bán thiết bị quang học, thiết bị y tế, nha khoa, thiết bị bệnh viện;
- Mua bán thuốc, dược phẩm;
- Mua bán thực phẩm dinh dưỡng;
- Mua bán mỹ phẩm;
- Mua bán nguyên phụ liệu, hóa dược phục vụ sản xuất dược phẩm;
- Mua bán vacxin và sinh phẩm y tế;
- Mua bán tinh dầu từ thảo dược;
- Sản xuất thực phẩm, thực phẩm dinh dưỡng, thực phẩm chức năng;
- Mua bán thức ăn gia súc;
- Sản xuất nước uống đóng bình và đóng chai (doanh nghiệp tuân thủ theo quy định pháp luật về an toàn vệ sinh thực phẩm trong quá trình hoạt động);
- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu;
- Sản xuất thức ăn gia súc;
- Mua bán thực phẩm, thực phẩm dinh dưỡng, thực phẩm chức năng;
- Sản xuất mỹ phẩm;
- In ấn bao bì;
- Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất tinh dầu từ thảo dược;
- Hoạt động hợp tác kinh doanh dịch vụ đại lý giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán, đất đai và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2015 bao gồm các hoạt động sau:

- Mua bán thiết bị quang học, thiết bị y tế, nha khoa, thiết bị bệnh viện;
- Mua bán thuốc, dược phẩm;
- Mua bán mỹ phẩm;
- Mua bán nguyên phụ liệu, hóa dược phục vụ sản xuất dược phẩm;
- Mua bán tinh dầu từ thảo dược;
- Sản xuất thực phẩm, thực phẩm dinh dưỡng, thực phẩm chức năng;
- Sản xuất nước uống đóng bình và đóng chai (doanh nghiệp tuân thủ theo quy định pháp luật về an toàn vệ sinh thực phẩm trong quá trình hoạt động);
- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu;
- Mua bán thực phẩm, thực phẩm dinh dưỡng, thực phẩm chức năng.

**4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:** không có.

**6. Cấu trúc doanh nghiệp**

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 27, đường Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm đặt tại số 51, đường số 3A, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm đặt tại số 207, đường Huỳnh Tấn Phát, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm – Nhà máy Sản xuất Dược phẩm Agimexpharm đặt tại đường Vũ Trọng Phụng, khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

**7. Thông tin về công ty con:** không có

**8. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):** Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán.

**II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).





**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015**

*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

**III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

**2. Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn và Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng:**

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC - Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính riêng đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200/2014/TT-BTC và Quyết định 15/2006/QĐ-BTC, tại điểm 4, mục VIII của bản Thuyết minh này.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi nêu trên được ghi nhận vào chi phí tài chính, hoặc doanh thu hoạt động tài chính trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải thu ngắn hạn. Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản thu phải thu dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ phải thu.



#### 4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Cuối niên độ kế toán 2015, Công ty không có hàng tồn kho nào hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm cần lập dự phòng.

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí đã chi ra để nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định đó. Các chi phí sửa chữa tài sản cố định được coi như khoản phí tổn và được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao tài sản cố định được căn cứ vào khung thời gian sử dụng quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính. Thời gian sử dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định như sau:

Nhóm TSCĐ	Thời gian khấu hao ước tính
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10 năm

#### 6. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong năm tài chính này, Công ty không phát sinh chi phí thuế TNDN hoãn lại.

#### 7. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

##### **Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đơn vị khác**

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận trong báo cáo tài chính của Công ty theo phương pháp giá gốc. Giá gốc của các khoản đầu tư này bao gồm phần vốn góp hoặc giá thực tế mua khoản đầu tư cộng (+) các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, thuế, phí, lệ phí... Cổ tức, lợi nhuận trước khi đầu tư nhận được

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015**

*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

sẽ ghi giảm giá trị khoản đầu tư đó. Cổ tức, lợi nhuận sau khi đầu tư nhận được sẽ ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản được chia khác được coi là phân thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đơn vị khác được lập khi các khoản đầu tư bị giảm giá hoặc doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

**8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều niên độ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào phương pháp đường thẳng.

**9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản phải trả có thời hạn thanh toán trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả ngắn hạn. Các khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả dài hạn.

**10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tiền lương**

Năm 2015, Công ty trích quỹ tiền lương căn cứ vào hợp đồng lao động và quy chế tài chính.

**11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả như chi phí bán hàng, chi phí lãi vay... được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

**12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản phải nợ vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn thanh toán trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả ngắn hạn. Các khoản nợ vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn thanh toán trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả dài hạn.

**13. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc, thiết bị tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) sẽ được tính vào giá trị của tài sản đó (vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay này sẽ chấm dứt khi tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc tài sản dở dang đã được bán.

Trong năm 2015, không có khoản chi phí đi vay nào cần được vốn hóa.

**14. Nguyên tắc ghi nhận quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích tối đa 10% thu nhập tính thuế hàng năm trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Năm 2015, Công ty không trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

**15. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Trong năm 2015, Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế từ kết quả kinh doanh năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015.

**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

*Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:*

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính*

Đối với các khoản thu nhập từ hoạt động mua, bán chứng khoán, ngoại tệ, doanh thu được ghi nhận là số chênh lệch giữa giá bán lớn hơn giá mua.

**17. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

**18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp. Cuối kỳ kế toán, toàn bộ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

**19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại**

Theo quy định của Luật thuế, số liệu thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản sai biệt giữa số thuế theo quyết toán và khoản dự trừ thuế (nếu có) sẽ được Công ty điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng tại Công ty là 22%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong năm 2015, Công ty không phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

**20. Số dư đầu năm**

Số dư đầu năm căn cứ vào báo cáo tài chính năm trước của Công ty đã được kiểm toán.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	423.081.888 (a)	1.495.695.191
Tiền gửi ngân hàng	6.523.122.329 (b)	7.846.827.596
Các khoản tương đương tiền	1.000.000.000 (c)	-
<b>Cộng</b>	<b><u>7.946.204.217</u></b>	<b><u>9.342.522.787</u></b>

(a) Chi tiết số dư tiền mặt tại ngày 31/12/2015 như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt tại Văn phòng Công ty	70.925.616	1.327.346.159
- Tiền mặt tại Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	293.632.000	168.349.032
- Tiền mặt tại Chi nhánh Đà Nẵng	58.524.272	-
<b>Cộng</b>	<b><u>423.081.888</u></b>	<b><u>1.495.695.191</u></b>

(b) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2015 như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Tân Bình – Phòng Giao dịch Lữ Gia	3.728.620.364	3.771.752.730
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang	1.596.629.462	3.187.849.227
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	492.062.625	-
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex – Chi nhánh An Giang	380.111.315	728.488.185
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 11 TP. Hồ Chí Minh	179.849.540	114.010.607



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh An Giang	100.941.515	-
- Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh An Giang	44.907.507	44.726.846
<b>Cộng</b>	<b><u>6.523.122.329</u></b>	<b><u>7.846.827.596</u></b>

(c) Đây là số dư tiền gửi kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh An Giang.

**2. Các khoản phải thu ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	72.399.963.949 (d)	57.269.160.849
Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.030.192.136 (e)	2.315.706.566
Phải thu ngắn hạn khác	6.464.093.441	16.972.555.291
- Phải thu ngắn hạn khác	2.939.129.243 (f)	4.190.579.602
- Tạm ứng	3.192.707.675 (g)	2.741.501.175
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	332.256.523 (h)	10.040.474.514
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.001.236.578) (i)	(2.530.232.070)
<b>Cộng</b>	<b><u>79.893.012.948</u></b>	<b><u>74.027.190.636</u></b>

(d) Chi tiết số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31/12/2015 như sau:

<b>Khách hàng</b>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Các khách hàng của Văn phòng Công ty	21.379.474.533	20.346.800.372
- Các khách hàng của Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	48.390.371.352	36.734.880.991
- Các khách hàng của Chi nhánh Đà Nẵng	2.630.118.064	187.479.486
<b>Cộng</b>	<b><u>72.399.963.949</u></b>	<b><u>57.269.160.849</u></b>

(e) Chi tiết số dư trả trước cho người bán ngắn hạn tại ngày 31/12/2015 như sau:

<b>Người bán</b>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Trả trước cho người bán của Văn phòng Công ty	2.379.192.136	1.336.706.566
- Trả trước cho người bán của Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	651.000.000	979.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>3.030.192.136</u></b>	<b><u>2.315.706.566</u></b>

(f) Chi tiết số dư phải thu ngắn hạn khác tại ngày 31/12/2015 như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	13.245.999	106.646.926
- Thuế thu nhập cá nhân	-	1.290.381.491
- Tạm ứng chi phí tiếp thị	1.868.183.244	2.793.551.185
- Tiền lương tháng 01/2016	1.057.700.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>2.939.129.243</u></b>	<b><u>4.190.579.602</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(g) Chi tiết số dư tạm ứng tại ngày 31/12/2015 như sau:

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Tạm ứng của Văn phòng Công ty	2.220.707.675	642.400.000
- Tạm ứng Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	972.000.000	2.099.101.175
<b>Cộng</b>	<b>3.192.707.675</b>	<b>2.741.501.175</b>

(h) Đây là số tiền bảo lãnh dự thầu tại các Sở Y tế và các bệnh viện đa khoa.

(i) Chi tiết số dư nợ xấu và dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi tại ngày 31/12/2015 như sau:

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Số dự phòng</b>
- Nợ quá hạn đến 180 ngày	-	0%	-
- Nợ quá hạn từ 180 ngày đến 360 ngày	493.748.288	30%	148.124.493
- Nợ quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	2.286.421.163	50%	1.143.210.590
- Nợ quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	604.153.332	70%	422.907.333
- Nợ quá hạn trên 3 năm	286.994.162	100%	286.994.162
<b>Cộng</b>	<b>3.671.316.945</b>		<b>2.001.236.578</b>

**3. Hàng tồn kho**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	21.284.081.082 (j)	31.357.162.968
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.473.586.075 (k)	5.584.262.187
Thành phẩm tồn kho	22.643.255.006 (l)	16.773.169.068
Hàng hóa tồn kho	7.226.277.651 (m)	7.857.997.817
Hàng gửi đi bán	99.736.850	393.390.481
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>55.726.936.664</b>	<b>61.965.982.520</b>

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả: không có
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: không có
- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có

(j) Chi tiết số dư nguyên liệu, vật liệu tồn kho tại ngày 31/12/2015 như sau:

<b>Nguyên liệu, vật liệu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Nguyên vật liệu chính	16.591.493.347	25.769.256.291
- Vật liệu phụ	4.692.587.735	5.587.906.677
<b>Cộng</b>	<b>21.284.081.082</b>	<b>31.357.162.968</b>

(k) Chi tiết số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 31/12/2015 như sau:

<b>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Hoá chất	3.661.901.025	4.833.066.100
- Phụ liệu	811.685.050	751.196.087
<b>Cộng</b>	<b>4.473.586.075</b>	<b>5.584.262.187</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(l) Đây là thuốc tồn kho các loại.

(m) Chi tiết số dư hàng hóa tồn kho tại ngày 31/12/2015 như sau:

Hàng hóa	Số cuối năm	Số đầu năm
- Văn phòng Công ty	10.508.058	122.299.583
- Nhà thuốc số 1	94.591.657	117.450.024
- Nhà thuốc số 2	57.569.160	80.074.677
- Nhà thuốc số 3	108.802.336	90.770.295
- Nhà thuốc số 4	166.004.804	17.540.868
- Nhà thuốc số 6	121.184.486	137.831.899
- Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	4.660.008.578	6.145.862.365
- Chi nhánh Đà Nẵng	2.007.608.296	1.146.168.106
<b>Cộng</b>	<b>7.226.277.651</b>	<b>7.857.997.817</b>

**4. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quầy thuốc Tuyệt Minh	752.927.195	-
- Nhà thuốc Hồng Vân	455.940.304	-
- Bác sĩ Chung Cẩm Hạnh	595.499.827	-
- Các đối tượng khác	929.991.410	185.943.101
<b>Cộng</b>	<b>2.734.358.736</b>	<b>185.943.101</b>

**5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Loại tài sản	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
<b>Nguyên giá</b>	<b>56.940.207.563</b>	<b>4.943.661.254</b>	<b>208.738.010</b>	<b>61.675.130.807</b>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	27.136.928.686	998.446.254	-	28.135.374.940
- Máy móc, thiết bị	27.252.664.780	2.506.435.000	-	29.759.099.780
- PT vận tải, TB truyền dẫn	2.019.240.853	1.315.000.000	208.738.010	3.125.502.843
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	531.373.244	123.780.000	-	655.153.244
<b>Hao mòn lũy kế</b>	<b>21.379.164.744</b>	<b>3.945.679.348</b>	<b>208.738.010</b>	<b>25.116.106.082</b>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	7.953.075.884	1.121.299.934	-	9.074.375.818
- Máy móc, thiết bị	11.592.532.560	2.538.551.359	-	14.131.083.919
- PT vận tải, TB truyền dẫn	1.544.576.704	214.106.461	208.738.010	1.549.945.155
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	288.979.586	71.721.594	-	360.701.180
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>35.561.042.819</b>			<b>36.559.024.735</b>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	19.183.852.802			19.060.999.122
- Máy móc, thiết bị	15.660.132.220			15.628.015.861
- PT vận tải, TB truyền dẫn	474.664.149			1.575.557.688
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	242.393.648			294.452.064

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 7.372.251.898
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.199.665.864
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: không có
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không có





**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chi tiết tài sản cố định hữu hình tăng trong năm 2015 như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Kho dược Công ty	744.663.909
- Xe Toyota 51A – 584.65	740.000.000
- 02 máy đóng gói tự động	1.025.000.000
- Xe Toyota 51B – 066.71	345.000.000
- Máy chiết chai dầu gió	340.000.000
- Máy dán nhãn tự động	266.485.000
- Kho Chi nhánh Bình Tân	253.782.345
- Bộ khuôn đóng nang số 3&4 trên máy AF90T	250.000.000
- Xe Toyota 51B – 187.49	230.000.000
- Máy nghiền kiểu búa	132.500.000
- Bộ khuôn đóng nang CSN.2 trên máy AF90T	125.000.000
- Bộ khuôn đóng nang CSN.1 trên máy AF90T	110.000.000
- Các TSCĐ khác	381.230.000
<b>Cộng</b>	<b><u>4.943.661.254</u></b>

Chi tiết tài sản cố định hữu hình giảm trong năm 2015 như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Nhượng bán xe tải Kia 2 tấn	208.738.010
<b>Cộng</b>	<b><u>208.738.010</u></b>

Chi tiết khấu hao tài sản cố định hữu hình tăng trong năm 2015 như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Khấu hao trong năm	3.945.679.348
<b>Cộng</b>	<b><u>3.945.679.348</u></b>

Chi tiết khấu hao tài sản cố định hữu hình giảm trong năm 2015 như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Nhượng bán tài sản	208.738.010
<b>Cộng</b>	<b><u>208.738.010</u></b>

**6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Loại tài sản	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
<b>Nguyên giá</b>	<b>11.760.164.376</b>	<b>11.908.064.322</b>	-	<b>23.668.228.698</b>
- Quyền sử dụng đất	10.206.085.532	11.908.064.322	-	22.114.149.854
- Phần mềm kế toán	1.554.078.844	-	-	1.554.078.844
<b>Hao mòn lũy kế</b>	<b>220.161.169</b>	<b>155.407.884</b>	-	<b>375.569.053</b>
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Phần mềm kế toán	220.161.169	155.407.884	-	375.569.053
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>11.540.003.207</b>			<b>23.292.659.645</b>
- Quyền sử dụng đất	10.206.085.532			22.114.149.854
- Phần mềm kế toán	1.333.917.675			1.178.509.791

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Quyền sử dụng đất	1.400.804.160	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.400.804.160</u></b>	<b><u>-</u></b>

**8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
<b>Góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>253.930.000</b>	<b>-</b>	<b>1.797.080.000</b>	<b>-</b>
- Cổ phiếu Công ty CP Dược phẩm Imexpharm	187.280.000	-	187.280.000	-
- Cổ phiếu Công ty CP Dược phẩm OPC	36.650.000	-	21.300.000	-
- Cổ phiếu Công ty CP Hóa dược phẩm Mekophar	20.000.000	-	20.000.000	-
- Cổ phiếu Công ty CP Y Dược phẩm Việt Nam	10.000.000	-	10.000.000	-
- Cổ phiếu Công ty CP Dược phẩm 3/2	-	-	1.558.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>253.930.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>1.797.080.000</u></b>	<b><u>-</u></b>

**9. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí chiết khấu cho khách hàng	603.622.573	-
- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ	-	190.420.729
<b>Cộng</b>	<b><u>603.622.573</u></b>	<b><u>190.420.729</u></b>

**10. Phải trả người bán ngắn hạn và người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán ngắn hạn	16.250.867.522 (n)	28.569.835.403
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.091.178.812 (o)	669.002.244
<b>Cộng</b>	<b><u>17.342.046.334</u></b>	<b><u>29.238.837.647</u></b>

(n) Chi tiết số dư phải trả người bán ngắn hạn tại ngày 31/12/2015 như sau:

<b>Người bán</b>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải trả người bán tại Văn phòng Công ty	16.002.490.465	27.879.324.735
- Phải trả người bán tại Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	248.377.057	690.510.668
<b>Cộng</b>	<b><u>16.250.867.522</u></b>	<b><u>28.569.835.403</u></b>

(o) Chi tiết số dư người mua trả tiền trước ngắn hạn tại ngày 31/12/2015 như sau:

<b>Khách hàng</b>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Người mua trả tiền trước của Văn phòng Công ty	1.075.827.580	552.255.346
- Người mua trả tiền trước của Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	14.490.331	116.746.898

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

<b>Khách hàng</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Người mua trả tiền trước của Chi nhánh Đà Nẵng	860.901	
<b>Cộng</b>	<b>1.091.178.812</b>	<b>669.002.244</b>

**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Số phải nộp trong năm</b>	<b>Số đã nộp trong năm</b>	<b>Số cuối năm</b>
- Thuế giá trị gia tăng	9.036.254	3.208.010.399	2.766.744.043	450.302.610
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.719.897.932	3.788.711.329	4.425.405.114	1.083.204.148
- Thuế thu nhập cá nhân	330.147.485	2.660.063.530	1.900.000.000	1.090.211.015
- Các loại thuế khác	-	445.253.212	445.253.212	-
<b>Cộng</b>	<b>2.059.081.671</b>	<b>10.102.038.470</b>	<b>9.537.402.369</b>	<b>2.623.717.773</b>

**12. Chi phí phải trả**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Chi phí lãi vay	94.533.051	78.756.354
- Chi phí cho cộng tác viên	-	212.970.639
- Chi phí chăm sóc khách hàng	1.923.826.881	6.498.908.759
- Chi phí chiết khấu	-	83.125.012
<b>Cộng</b>	<b>2.018.359.932</b>	<b>6.873.760.764</b>

**13. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	3.000	-
- Kinh phí công đoàn	192.747.705	167.285.317
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	200.000.000
- Cổ tức phải trả	1.630.654.065	2.597.389.929
- Bệnh viện đa khoa huyện Thới Bình	-	1.197.603
- Hứa Thị Loan	-	360.000
<b>Cộng</b>	<b>1.823.404.770</b>	<b>2.966.232.849</b>

**14. Vay ngắn hạn và vay dài hạn**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Vay ngắn hạn	86.839.220.357 (p)	58.770.556.110
Vay dài hạn	1.143.900.000 (q)	2.047.800.000
<b>Cộng</b>	<b>87.983.120.357</b>	<b>60.818.356.110</b>

(p) Chi tiết số dư vay ngắn hạn tại ngày 31/12/2015 như sau:

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang	62.772.615.409	36.812.252.037
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex – Chi nhánh An Giang	6.252.192.964	5.321.304.073

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh An Giang	4.010.411.984	
- Vay cá nhân	13.804.000.000	16.637.000.000
<b>Cộng</b>	<b>86.839.220.357</b>	<b>58.770.556.110</b>

(q) Chi tiết số dư vay dài hạn tại ngày 31/12/2015 như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex – Chi nhánh An Giang	1.143.900.000	1.830.300.000
- Quỹ hỗ trợ Xã hội hóa tỉnh An Giang	-	217.500.000
<b>Cộng</b>	<b>1.143.900.000</b>	<b>2.047.800.000</b>

**15. Vốn chủ sở hữu**

(a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm trước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	26.399.600.000	13.199.800.000	-	39.599.400.000
- Thặng dư vốn cổ phần	19.363.666.700	-	50.000.000	19.313.666.700
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	4.662.862	-	-	4.662.862
- Quỹ đầu tư phát triển	9.405.526.716	4.251.636.716	-	13.657.163.432
- Quỹ dự phòng tài chính	1.623.914.059	551.625.993	1.947.010.250	228.529.802
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	10.932.519.866	16.631.844.572	10.932.519.866	16.631.844.572
<b>Cộng</b>	<b>67.729.890.203</b>	<b>34.634.907.281</b>	<b>12.929.530.116</b>	<b>89.435.267.368</b>

(b) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm nay

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Vốn góp của chủ sở hữu	39.599.400.000	3.959.400.000	-	43.558.800.000
- Thặng dư vốn cổ phần	19.313.666.700	-	3.959.400.000	15.354.266.700
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	4.662.862	-	-	4.662.862
- Quỹ đầu tư phát triển	13.885.693.234	6.394.734.984	-	20.280.428.218
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	16.631.844.572	13.417.301.558	16.631.844.572	13.417.301.558
<b>Cộng</b>	<b>89.435.267.368</b>	<b>23.771.436.542</b>	<b>20.591.244.572</b>	<b>92.615.459.338</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Vốn góp của chủ sở hữu tăng là do:

	<u>Số tiền</u>
- Tăng vốn chủ sở hữu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần	3.959.400.000
<b>Cộng</b>	<b><u>3.959.400.000</u></b>

Thặng dư vốn cổ phần giảm là do:

	<u>Số tiền</u>
- Tăng vốn góp của chủ sở hữu	3.959.400.000
<b>Cộng</b>	<b><u>3.959.400.000</u></b>

Quỹ đầu tư phát triển tăng là do:

	<u>Số tiền</u>
- Trích lập từ lợi nhuận sau thuế năm 2014	4.251.636.716
<b>Cộng</b>	<b><u>4.251.636.716</u></b>

(c) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

<u>Cổ đông</u>	<u>Tổng số cổ phần</u>	<u>Số tiền</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>
- Công ty CP Dược phẩm Imexpharm	1.480.707	14.807.070.000	33,99%
- Phạm Uyên Nguyên	655.496	6.554.960.000	15,05%
- Các cổ đông khác	2.219.677	22.196.770.000	50,96%
<b>Cộng</b>	<b>4.355.880</b>	<b>43.558.800.000</b>	<b>100,00%</b>

Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm: không có  
 Số lượng cổ phiếu quỹ: không có

(d) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
▪ Vốn góp đầu năm	39.599.400.000	26.399.600.000
▪ Vốn góp tăng trong năm	3.959.400.000	13.199.800.000
▪ Vốn góp giảm trong năm	-	-
▪ Vốn góp cuối năm	43.558.800.000	39.599.400.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	6.731.898.000	3.959.940.000

(e) Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán trên cổ phiếu thường: chưa công bố

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(f) **Cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.355.880	3.959.940
- Số lượng cổ phiếu đã được bán ra công chúng	4.355.880	3.959.940
▪ <i>Cổ phiếu thường</i>	4.355.880	3.959.940
▪ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
▪ <i>Cổ phiếu thường</i>	-	-
▪ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.355.880	3.959.940
▪ <i>Cổ phiếu thường</i>	4.355.880	3.959.940
▪ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

(a) *Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm trước*

	<i>Doanh thu thuần</i>	<i>Giá vốn</i>	<i>Lãi gộp</i>	<i>Tỷ lệ</i>
- Hàng hóa	124.456.984.930	109.329.877.080	15.127.107.850	12,15%
- Thành phẩm	218.594.594.803	113.741.062.745	104.853.532.058	47,97%
<b>Cộng</b>	<b>343.051.579.733</b>	<b>223.070.939.825</b>	<b>119.980.639.908</b>	<b>34,97%</b>

(b) *Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay*

	<i>Doanh thu thuần</i>	<i>Giá vốn</i>	<i>Lãi gộp</i>	<i>Tỷ lệ</i>
- Hàng hóa	116.342.764.211	105.999.271.324	10.343.492.887	8,89%
- Thành phẩm	292.911.880.647	179.626.292.944	113.285.587.703	38,68%
<b>Cộng</b>	<b>409.254.644.858</b>	<b>285.625.564.268</b>	<b>123.629.080.590</b>	<b>30,21%</b>

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Hàng bán bị trả lại – hàng hóa	3.382.275	11.226.189
- Hàng bán bị trả lại – thành phẩm	2.669.570.700	2.018.372.327
- Giảm giá hàng bán – hàng hóa	-	-
- Giảm giá hàng bán – thành phẩm	26.265.852	1.142.857
<b>Cộng</b>	<b>2.699.218.827</b>	<b>2.030.741.373</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi ngân hàng	395.192.340	341.413.218
- Cổ tức được chia	96.020.200	180.926.500
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	36.566.869	25.844.114
- Lãi từ đầu tư tài chính	429.000.000	-
- Chi phí tài chính khác	-	2.791.317
<b>Cộng</b>	<b><u>956.779.409</u></b>	<b><u>550.975.149</u></b>

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí lãi vay	6.190.348.812	5.769.942.563
- Chiết khấu thanh toán	91.085.261	89.182.100
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	180.289.148	72.444.825
<b>Cộng</b>	<b><u>6.461.723.221</u></b>	<b><u>5.931.569.488</u></b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nhân viên bán hàng	5.571.916.351	8.808.313.080
- Chi phí vật liệu bao bì	3.520.850	799.556
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	143.664.729	117.758.956
- Chi phí khấu hao TSCĐ	151.676.038	167.654.232
- Chi phí hoa hồng, tiếp khách	16.726.600.909	16.458.006.311
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	766.433.801	766.590.796
- Chi phí bằng tiền khác	64.085.681.742	51.049.972.647
<b>Cộng</b>	<b><u>87.449.494.420</u></b>	<b><u>77.369.095.578</u></b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nhân viên quản lý	8.575.193.330	9.079.727.672
- Chi phí vật liệu quản lý	31.466.450	16.020.044
- Chi phí đồ dùng văn phòng	875.187.731	685.912.110
- Chi phí khấu hao TSCĐ	262.691.412	234.979.913
- Thuế, phí và lệ phí	2.024.021.588	854.030.442
- Chi phí dự phòng	101.200.000	104.075.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	992.262.949	601.904.983
- Chi phí bằng tiền khác	1.429.652.943	2.174.034.333
<b>Cộng</b>	<b><u>14.291.676.403</u></b>	<b><u>13.750.684.497</u></b>

**7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thu thanh lý vật tư, tài sản	33.636.363	38.950.692
- Xử lý tài sản thừa khi kiểm kê	290.952.927	229.856.796
- Thu cho thuê mặt bằng	452.786.008	82.373.790

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thu chênh lệch giá mặt hàng Triprolidine	-	121.530.272
- Thu nhập từ chuyển nhượng đăng ký sản phẩm Metprednew	45.454.545	-
- Các khoản thu nhập khác	49.889.673	31.523.008
<b>Cộng</b>	<b><u>872.719.516</u></b>	<b><u>504.234.558</u></b>
<b>8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	107.703.695.047	98.885.177.760
- Chi phí công cụ, dụng cụ gián tiếp	2.212.517.031	2.584.758.129
- Chi phí nhân công	13.232.448.402	10.133.442.810
- Chi phí khấu hao TSCĐ	3.540.676.503	3.015.756.437
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.806.462.802	2.040.280.369
- Chi phí khác	105.276.542	765.387.575
<b>Cộng</b>	<b><u>130.601.076.327</u></b>	<b><u>117.424.803.080</u></b>
<b>9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.788.711.329	7.282.951.081
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>3.788.711.329</u>	<u>7.282.951.081</u>
<b>10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các việc hoàn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	-	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	<u>-</u>	<u>-</u>





**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**11. Phân phối lợi nhuận**

<b>Số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 01/01/2015</b>	<b>16.631.844.572</b>
<b>Phân phối trong năm 2015</b>	<b>16.631.844.572</b>
- Trích quỹ đầu tư phát triển	6.394.734.984
- Trích quỹ thưởng Ban điều hành và cộng sự	511.479.565
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.993.732.023
- Chia cổ tức năm 2014	6.731.898.000
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2015</b>	<b>17.206.012.887</b>
<b>Điều chỉnh các khoản giảm thu nhập chịu thuế</b>	<b>96.020.200</b>
- Cổ tức được chia	96.020.200
<b>Điều chỉnh các khoản tăng thu nhập chịu thuế</b>	<b>111.422.447</b>
- Chi phí khấu hao TSCĐ không có hóa đơn, chứng từ đúng quy định	3.422.447
- Thù lao Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành Công ty	108.000.000
<b>Lợi nhuận tính thuế năm tài chính 2015</b>	<b>17.221.415.134</b>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.788.711.329
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế năm 2015</b>	<b>13.417.301.558</b>
<b>Số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2015</b>	<b>13.417.301.558</b>

**12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận sau thuế	17.206.012.887	23.914.795.653
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	4.171.108	2.925.304
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.217</b>	<b>4.662</b>

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 đã loại trừ ra Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính. Riêng năm 2015, do chưa xác định được Quỹ khen thưởng, phúc lợi được phép trích lập nên tạm tính trên toàn bộ lợi nhuận sau thuế.

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:** không có

**2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:** không có

Trong năm không có thay đổi lớn nào trong chính sách kế toán áp dụng tại Công ty.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015***(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***3. Thông tin về các bên liên quan:**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư phải thu /(phải trả)
Công ty CP Dược phẩm 3/2	Cổ đồng	Mua hàng	932.378.515	(8.705.538)
Công ty CP Dược phẩm Tê Nam Y Dược	Cổ đồng	Mua hàng	904.334.433	(24.772.000)
Công ty CP Dược phẩm Imexpharm	Cổ đồng	Mua hàng	25.477.208.903	(6.657.807.591)
		Bán hàng	75.392.2808.	567.064.350
Công ty CP XNK Y tế Domesco	Cổ đồng	Mua hàng	3.132.820.184	(345.387.105)
Công ty CP Hóa dược phẩm Mekophar	Cổ đồng	Mua hàng	75.242.620	(12.133.742)

**4. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):** Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán.

	<u>Số đầu năm nay trình bày lại</u>	<u>Số cuối năm trước đã trình bày</u>
<b>Bảng cân đối kế toán</b>		
- Phải thu ngắn hạn khác	16.972.555.291	4.190.579.602
- Tài sản ngắn hạn khác	-	12.781.975.689
- Phải thu dài hạn khác	185.943.101	-
- Tài sản dài hạn khác	-	185.943.101
	<u>Năm trước trình bày lại</u>	<u>Năm trước đã trình bày</u>
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>		
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.662	5.686

**5. Thông tin về hoạt động liên tục:** Cho đến ngày lập bản báo cáo này, Hội đồng quản trị Công ty cho rằng không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.**6. Thay đổi chính sách kế toán:** Ngày 22/12/2014 Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế cho chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, có hiệu lực từ ngày 01/01/2015. Số liệu đầu năm trên báo cáo tài chính được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

NGƯỜI LẬP

**DƯƠNG ÁNH NGỌC**

KẾ TOÁN TRƯỞNG

**LÊ THÁI MINH TRANG**

Long Xuyên, ngày 21 tháng 01 năm 2016

GIÁM ĐỐC

**NGUYỄN VĂN KHA**